TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2019
Về việc "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Công Hạnh;
2. Bà Huỳnh Thị Minh Tuyết;

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vĩnh Phúc – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 125/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2016 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lương Thị H – sinh năm 1973; Trú tại: Tổ 07, Khu phố 2, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D – sinh năm 1970; Trú tại: Tổ 07, Khu phố 2, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Tại đơn khởi kiện nộp ngày 05/4/2016, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi kết hôn với nhau ngày 19/9/1993, đăng ký kết hôn tại UBND phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, nguyên nhân do ông D thường xuyên ăn nhậu, chửi mắng vợ con, không có trách nhiệm của người chồng đối với vợ, người cha đối với con, có lúc còn xúc phạm đến cha mẹ tôi, bản thân tôi và gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng ông D không thay đổi, hàng ngày tôi đi làm cực khổ nhưng ông D không thương tôi, hiện nay chúng tôi vẫn ở chung nhà nhưng tình cảm thực sự không còn từ hơn 07 năm nay, có thời gian tôi phải thuê nhà ở riêng

nhưng vì kinh tế khó khăn đành phải quay về. Ông D đã nhận được quyết định xét xử của Tòa án nhưng ông không chịu đến Tòa, ông nói tôi muốn làm gì thì làm, do đó tôi yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt ông D cho tôi được ly hôn để ổn định cuộc sống cả hai bên.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung tên Lê Như Đ– sinh năm 1994 (đã lập gia đình), Lê Hoàng P– sinh ngày 18/10/2001 và Lê Hưng T – sinh ngày 02/01/2014, tôi yêu cầu nuôi cháu P và cháu T, không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn ông Lê Văn D vắng mặt không trình bày;

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt không trình bày.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, có yêu cầu xét xử vắng; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên cần xét xử vắng mặt đương sự;

+Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Pháp lệnh số 10/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn; bị đơn có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại tổ 7, khu phố 2, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Về quan hệ hôn nhân: bà Lương Thị H và ông Lê Văn D tự nguyện tìm hiểu kết hôn ngày 19/9/1993 nhưng đăng ký kết hôn tại UBND phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển số 01 ngày 14/6/1997 nên là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn bà H trình bày trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án là ông D thường xuyên ăn nhậu, chửi mắng vợ con, không có trách nhiệm của người chồng đối với vợ, người cha đối với con, tình cảm vợ chồng không còn, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để hòa giải với bà H; Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông D không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà H, bà H được ly hôn với ông D.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày bà và ông D có 03 con chung tên Lê Như Đ – sinh năm 1994 (đã lập gia đình), Lê Hoàng P – sinh ngày 18/10/2001 và Lê Hưng T – sinh ngày 02/01/2014, bà H yêu cầu nuôi cháu P và cháu T, không yêu cầu ông D cấp dưỡng. Xét thấy, cháu P có đơn trình bày nguyện vọng được sống cùng mẹ, cháu T còn nhỏ, bà H yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng là sự tự nguyện của bà và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận giao bà H được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Hoàng P và cháu Lê Hưng T, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Pháp lệnh số 10/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2016. Bà Lương Thị H được ly hôn với ông Lê Văn D.

2. Về con chung: bà Lương Thị H được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Hoàng P – sinh ngày 18/10/2001 và Lê Hưng T – sinh ngày 02/01/2014, ông Lê Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lương Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng*)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 1527 ngày 19/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
-UBND phường 4 (GCNKH số 40 quyển số 01 ngày 14/6/1997)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Ngọc Hà